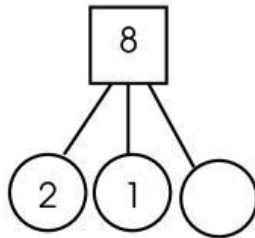




Họ và tên:
Lớp: 1A.....

PHIẾU ÔN TẬP TOÁN VIOLYMPIC
CẤP TRƯỜNG (1)

HỌC SINH CHỈ CẦN GHI KẾT QUẢ VÀO CỘT ĐÁP SỐ.

TT	Nội dung bài toán	Đáp số					
1	Số? 						
2	Số? $6 < < 8$						
3	Số? $10 > > 8$						
4	Số ? <table border="1" data-bbox="617 833 936 904"><tr><td>5</td><td><</td><td></td><td>=</td><td></td></tr></table>	5	<		=		
5	<		=				
5	Số? <table border="1" data-bbox="606 936 1016 1010"><tr><td>10</td><td>8</td><td>6</td><td></td><td></td></tr></table>	10	8	6			
10	8	6					
6	Các số: 5; 3 ; ; 7 ; 2 ; 8 ; 10 số lớn nhất là.....						
7	Các số: 4; 6 ; ; 9 ; 2 ; 1 ; 10 số bé nhất là.....						
8	Điền dấu (< ; > ; =)? $5 + 0 3 + 2$						
9	Điền dấu (< ; > ; =)? $3 - 2 2 - 1$						
10	Điền dấu (< ; > ; =)? $3 + 2 4$						
11	Điền dấu (< ; > ; =)? $3 - 1 4 - 1$						
12	Điền dấu (< ; > ; =)? $3 + 2 4 - 1$						
13	Số? $4 - 2 + 5 = $						
14	Số? $2 + 7 = $						

15	Số?	$3 - 1 + 4 = \dots\dots\dots$	
16	Số?	$3 - 2 + 8 = \dots\dots\dots$	
17	Số?	$2 + 1 + 7 = \dots\dots\dots$	
18	Số?	$0 + 4 + \dots = 5$	
19	Số?	$1 + 4 = 3 + \dots$	
20	Số ?	$3 + \dots < 2 + 2$	
21	Số ?	$1 + 4 > 3 + \dots$	
22	Điền số giống nhau:	$\triangle + \triangle + \triangle = 3$	$\triangle =$
23	$>, <, = ?$	$3 + 1 + 1 \dots 2 + 0 + 2$	
24	Số?	$\square \xrightarrow{+0} \square \xrightarrow{+4} (5)$	$\square =$
25	Đúng hay sai?(Đ/S)	$1 + 4 + 0 < 2 + 1 + 1$	
26	Đúng hay sai?(Đ/S)	$1 + 3 + 1 > 2 + 1 + 1$	
27	Số liền trước số 1 là.....		
28	Số bé nhất có một chữ số là :.....		
29	Số lớn nhất có một chữ số là....		
30	Có....tam giác	